BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH

TỈNH BẾN TRE

HUYỆN CÀNG LONG

HUYỆN CHÂU THÀNH

HUYỆN CHÂU THÀNH

HUYỆN CHÂU THÀNH

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ THÀNH PHỐ TRÀ VINH

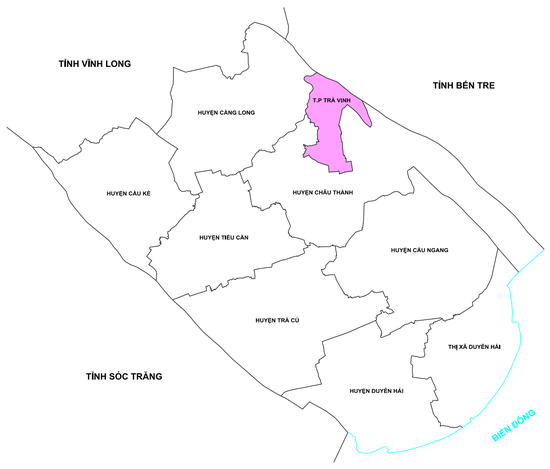

CHÚ DẪN

Ký hiệu: Hiện trạng	Ký hiệu: Quy hoạch: Cấp trên phân bổ	Ký hiệu: Quy hoạch: Cấp huyện xác định	Diễn giải
I. Đất nông nghiệp			
LUA	mã HT LUA	mã QH LUA	Đất trồng lúa
LUC	mã HT LUC	mã QH LUC	Đất chuyên trồng lúa nước
HNK		mã HT/QH HNK	Đất rồng cây hàng năm khác
CLN	mã HT CLN	mã QH CLN	Đất trồng cây lâu năm
RPH	mã HT RPH	mã QH RPH	Đất rừng phòng hộ
NTS		mã HT/QH NTS	Đất nuôi trồng thủy sản
NKH		NKH	Đất nông nghiệp khác
II. Đất phi nông nghiệp			
CQP	mã HT CQP		Đất quốc phòng
CAN	mã HT CAN		Đất an ninh
SKK	mã HT SKK		Đất khu công nghiệp
SKN	mã HT SKN		Đất cụm công nghiệp
TMD	mã HT TMD	mã QH TMD	Đất thương mại, dịch vụ
SKC	mã HT SKC	mã QH SKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
DGT	mã HT DGT	mã QH DGT	Đất giao thông
DTL	mã HT DTL	mã QH DTL	Đất thủy lợi
DVH	mã HT DVH	mã QH DVH	Đất xây dựng cơ sở văn hóa
DYT	mã HT DYT	mã QH DYT	Đất xây dựng cơ sở y tế
DGD	mã HT DGD	mã QH DGD	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo
DTT	mã HT DTT	mã QH DTT	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao
DNL	mã HT DNL	mã QH DNL	Đất năng lượng
DBV	mã HT DBV	mã QH DBV	Đất công trình bưu chính,viễn thông
DCH	mã HT DCH	mã QH DCH	Đất chợ
TON	mã HT TON		Đất cơ sở tôn giáo
DDT	mã HT DDT		Đất có di tích lịch sử-văn hóa
NTD	mã HT NTD	mã QH NTD	Đất nghĩa trang, nghĩa địa
DRA	mã HT DRA	mã QH DRA	Đất bãi thải, xử lý chất thải
DKH		mã QH DKH	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ
ONT	mã HT ONT	mã QH ONT	Đất ở tại nông thôn
ODT	mã HT ODT		Đất ở tại đô thị
TSC	mã HT TSC	mã QH TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
DTS	mã HT DTS	mã QH DTS	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp
SKX		mã HT SKX	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ
DSH		mã HT DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng
DKV		mã HT DKV	Đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng
TIN		mã HT TIN	Đất cơ sở tín ngưỡng
SON		mã HT SON	Đất sông, ngòi, kênh, rạch
MNC		mã HT MNC	Đất có mặt nước chuyên dùng
PNK		mã HT PNK	Đất phi nông nghiệp khác
III. Đất chưa sử dụng			
CSD	CSD		Đất chưa sử dụng
Mã HT	Mã HT 2022		Khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất: - Năm 2023: Năm kế hoạch - DT: Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch

Diện tích, cơ cấu sử dụng đất năm 2023
(Tổng diện tích tự nhiên 6.794,01ha)

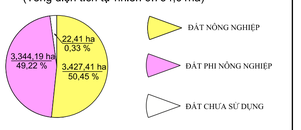

Ký hiệu: Hiện trạng	Ký hiệu: Quy hoạch	Diễn giải	Ký hiệu: Hiện trạng	Ký hiệu: Quy hoạch	Diễn giải
IV, Các ký hiệu khác (tt)			IV, Các ký hiệu khác (tt)		
		Quốc lộ			Trung tâm y tế
		Đường tỉnh			Chùa, đền
		Hương lộ			Nhà thờ
		Đường liên xã			Bưu điện
		Đường đất			Sân vận động
		Sông, rạch			Trường học
		Trụ sở UBND cấp tỉnh			Cổng
		Trụ sở UBND cấp huyện			Cầu
		Trụ sở UBND xã			Đê
		Chợ			Đường dây điện

Ký hiệu: Hiện trạng	Ký hiệu: Quy hoạch: Cấp trên phân bổ	Ký hiệu: Quy hoạch: Cấp huyện xác định	Diễn giải
IV, Các ký hiệu khác (tt)			
			Địa giới hành chính cấp tỉnh
			Địa giới hành chính cấp huyện
			Địa giới hành chính cấp xã
			Ranh giới đất đô thị
			Ranh giới khu dân cư nông thôn
			Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp
			Ranh giới khu lâm nghiệp
			Ranh giới đất khu du lịch
			Ranh giới khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)
			Ranh giới khu thương mại - dịch vụ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH	ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Trà Vinh, ngày tháng năm 2023	*Trà Vinh, ngày tháng năm 2023*	*Trà Vinh, ngày tháng năm 2023*	*Tp. HCM, ngày tháng năm 2023*
CHỦ TỊCH	**GIÁM ĐỐC**	**CHỦ TỊCH**	**GIÁM ĐỐC**

NGUỒN TÀI LIỆU
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Trà Vinh
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất 2019 thành phố Trà Vinh
- Bản đồ kết quả thống kê đất đai năm 2022 thành phố Trà Vinh
- Bản đồ quy hoạch chung thành phố Trà Vinh đến năm 2030
- Bản đồ địa chính các xã, phường của thành phố Trà Vinh

TỶ LỆ 1:10.000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG
Công ty TNHH Dịch vụ Tài nguyên Môi trường Miền Nam